

ことばの歳時記

～4月の季語～

日本には春夏秋冬という四季があります。一般的に3～5月を春、6～8月を夏、9～11月を秋、12～2月を冬と区切りますが、気候の変化とは必ずしも一致していません。日本の気候は緩やかに移行し変化していくため、そもそも季節を4つに区切るのは難しく、二十四節気や古代中国で考案された季節を表す方式のひとつである七十二候を用いて表現することもあります。

さて4月のことを、日本では卯月（うづき）と呼びます。卯月の由来は、卯（ウツギ）の花が咲く月「卯の花月（うのはなづき）」を略したものであるというのが定説となっています。日本では4月は、新年度や新学期のはじまる節目の月であり、学校・会社などでは入学式・入社式が行われます。

4月の季語には、花にまつわるものが多いのが特徴です。「桜」はもちろんのこと、「花曇」（桜の花の咲くころの、薄くぼんやりと曇った空模様）、「花冷え」（桜の花の咲くころ、急に寒くなること）、「花吹雪」（桜の花の散ること）などがあり、どの言葉も日本語の奥深さと優美さを感じることができるのではないのでしょうか。

Từ điển tiếng Nhật

Những từ ngữ chỉ tháng tư trong thi ca

Nhật Bản có bốn mùa xuân hạ thu đông. Thông thường người ta chia mùa xuân từ tháng 3 đến tháng 5, mùa hè từ tháng 6 đến tháng 8, mùa thu từ tháng 9 đến tháng 11 và mùa đông từ tháng 12 đến tháng 2, nhưng trên thực tế diễn biến mùa phức tạp hơn. Thời tiết biến đổi dần dần nên cách chia bốn mùa khó thể hiện, vì thế từ xưa đã có nhiều cách chia khác như chia thành 24 tiết hay 72 hầu theo Trung Hoa thời cổ.

Tháng tư tiếng Nhật gọi là tháng “uzuki”. Người ta cho rằng cách gọi này là do tháng 4 là tháng hoa “utsugi” nở nhiều. Ở Nhật tháng tư là tháng bắt đầu niên khóa nên tại các trường học và công ty những buổi lễ nhập học, nhập hăng được tổ chức khắp nơi.

Từ ngữ trong thi ca của tháng tư thường có đặc trưng liên quan đến hoa. Tất nhiên đó là hoa anh đào “sakura”, từ “hanagumori” chỉ bầu trời bàng bạc mây vào mùa hoa anh đào, hay “hanabie” là cái lạnh đến đột ngột trong thời gian hoa anh đào nở, “hanafubuki” là cảnh cánh hoa anh đào rơi lá tả theo gió. Những từ ngữ này đều cho một cảm nhận rất riêng và rất đẹp về tháng tư.